TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/DS-PT
Ngày: 15/5/2023
"V/v *Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; Kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân, ông Trương Công Bình.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 tháng 5 năm 2023 và ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLPT-DS ngày 06/02/2023 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; Kiện đòi tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2023/QĐXX-PT ngày 31/03/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H N Niê - sinh năm 1979. (vắng mặt)

Trú tại: Buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nông Văn N - sinh năm 1960. (có mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà H R Mlô - sinh năm 1985. (vắng mặt)

Trú tại: Buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973. (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Y S Mlô - sinh năm 1973. (vắng mặt).

2. Ông Y K Mlô - sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Y D Niê - sinh năm 1997 (vắng mặt).

4. Ông Y D Niê - sinh năm 2000 (vắng mặt).

5. Ông Y K Niê - sinh năm 2004 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Buôn Ur, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Người phiên dịch tiếng Êđê: Ông Y S Êban. (có mặt)

Trú tại: 306 N, phường T, thành phố B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà H N Niê và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nông Văn N trình bày:*

Ông Y D Mlô, sinh năm 1934 và bà H W Niê, sinh năm 1936 có người con duy nhất là bà H N Niê, sinh năm 1979. Khi còn sống, ông Y D và bà H W tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.360m^2 tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 01 năm 1993.

Ngày 20 tháng 11 năm 2009, bà H W chết, không để lại di chúc. Tiếp đến ngày 18 tháng 6 năm 2015, ông Y D chết cũng không để lại di chúc.

Sau khi ông Y D, bà H W chết, thì bà H R Mlô là người có họ hàng xa với ông Y D và bà H W đến chiếm dụng một phần tài sản của ông Y D, bà H W để lại là diện tích đất khoảng 3.360m^2 trong số diện tích đất nói trên và đến nhà ông Trần Tuấn tự bỏ 15.000.000 đồng chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Y D cầm cố vay tiền, đồng thời chiếm giữ không trả lại cho bà H N.

Bà H N thấy tài sản mà bà H R chiếm dụng là của bố mẹ bà sau khi chết để lại, chưa được phân chia di sản thừa kế. Bà là người con duy nhất của ông Y D, bà H W nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế. Công nhận bà là người được quyền sử dụng toàn bộ số tài sản của ông Y D và bà H W để lại là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.360m^2, diện tích đo đạc thực tế là 4.060m^2 tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bà H R phải trả lại cho bà H N toàn bộ tài sản mà bà H R đã chiếm dụng (Theo đơn khởi kiện là 3.360m^2) nhưng nay khởi kiện theo số liệu đo đạc thực tế là 3.045m^2, thuộc một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18 tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và buộc bà H R trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H N .

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà H R Mlô và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Bà H N và bà H R không có bà con họ hàng gì. Bà H N chỉ là con nuôi của ông Y D và bà H W (Bác bà H R).

Năm 2009, bà H W chết, theo phong tục tập quán thì ông Y D về nhà ông Y B Mlô ở. Ông Y S Mlô, bà H Đ Mlô (người trong dòng tộc) đứng ra phân chia cho bà H N được sở hữu: 7000m^2 đất tại Nông trường thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Khoảng 2000m^2 ruộng lúa khu vực sông Cha La thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Khoảng 2000m^2 khu vực Ka Tê, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; 1.100m^2, trong số 4.360m^2, thửa 130, bản đồ 18, tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi chia, ông Y D sống tại ngôi nhà sàn trên diện tích đất 3.260m^2 trong số 4.360m^2, còn gia đình bà H N sống tại ngôi nhà trên phần diện tích đất 1.100m^2. Bà H N không muốn Y D sống nên tìm cớ gây gổ, đánh đập. Cụ thể vào năm 2011, ông Y S Mlô (chồng bà H N) đánh Y D gãy tay. Do vậy ông Y D về sống với bà H R.

Năm 2012, ông Y D cho bà H R diện tích đất 3.260m^2, trong số 4.360m^2. Có ông Y B, ông Y St và bà H Đ chứng kiến. Bà H R sử dụng từ đó cho đến nay.

Năm 2014, bà H R đến gặp bà H N Niê lấy hộ khẩu làm bảo hiểm cho ông Y D nhưng hộ khẩu bà H N cầm cố ở ông Trần T (Tuấn Trường T) vay số tiền 15.000.000 đồng. Do không có tiền lấy hộ khẩu nên ông Y D phải cầm bìa đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để lấy hộ khẩu ra.

Khi sống với bà H R, ông Y D bị bệnh do vậy bà H R vay tiền chữa trị cho Y D hết tổng cộng 50.000.000 đồng, bà H N là con nhưng không hỏi thăm.

Đến năm 2015, ông Y D qua đời bà H R còn phải vay nợ mai táng cho ông Y D hết tổng cộng 69.000.000 đồng và trả cho ông Trần T (Tuấn Trường T) 15.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H R nhiều lần yêu cầu bà H N Niê hợp tác để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H N Niê né tránh.

Xét thấy bà H N Niê là con nuôi, đã được dòng họ chia đất. Ông Y D muốn giữ lại 3.260m^2 để làm chỗ di lại cho dòng tộc dưới sự đồng ý của ông Y B, ông Y S và bà H Đ nên đã chia cho bà H R. Việc phân chia này bà H N Niê biết và không có ý kiến nay lại tranh chấp và khởi kiện là vi phạm pháp luật nên bà H R không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N mà yêu cầu H N phải cùng bà H R xác lập làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời buộc bà H N Niê phải trả cho H R số tiền 15.000.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người làm chứng ông Y St Mlô trình bày:

Mẹ ông với mẹ ông Y D là chị em cùng mẹ khác cha. Mẹ ông là chị, mẹ ông Y D là em. Ông Y D chỉ có bố mẹ đẻ, không có bố mẹ nuôi. Ông Y D có 03

anh em, gồm: Y T, Y D, và Y P. Hiện nay, bố mẹ đẻ và anh em ruột thịt của ông Y D đều đã chết. Ông Y D chỉ có 01 vợ là bà H W (không có vợ kế). Ông Y D và bà H W không có con đẻ, chỉ có con nuôi tên là H N Niê. Ông Y D và bà H W nhận nuôi bà H N từ khi mới sinh ra đến khi trưởng thành (nuôi từ nhỏ đến lớn). Ông Y D, bà H W và bà H N cùng sống với nhau tại ngôi nhà gỗ mà hiện nay bà H N đang ở (nhà thuộc Buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). Bà H R có họ hàng xa với ông Y D (cụ thể quan hệ như thế nào thì ông không rõ). Theo ông được biết là có quan hệ họ hàng xa (ông Y D với mẹ của bà H R là cùng một ông nội). Nên theo phong tục tập quán, bà H R gọi ông bằng bác.

Bà H W cũng chỉ có bố mẹ đẻ, không có bố mẹ nuôi. Bà H W có bao nhiêu anh chị em và hiện nay họ còn sống hay không thì ông không biết. Ông chỉ biết hiện nay, bà H W và bố mẹ đẻ của bà H W đều đã chết.

Khoảng năm 2009, bà H W chết. Ông Y D và và H N vẫn ở lại ngôi nhà mà hiện nay bà H N đang ở. Một thời gian sau (không nhớ thời gian cụ thể), thì ông Y D sang nhà bà H R ở đến khi chết. Ông Y D chết là do già yếu chứ không phải do bệnh tật. Bà H R là người lo mai táng cho ông Y D.

Trước khi chết, ông Y D đã chia cho bà H N ruộng, chỉ còn lại thửa đất khoảng 4 sào mà hiện nay có tranh chấp. Sau khi ông Y D và bà H W chết (khoảng năm 2018) ông chia 4 sào thành hai phần. Phần 01 khoảng 01 sào ông giao cho bà H N , còn khoảng 3 sào ông chia cho bà H R. Ông chỉ chia theo phong tục tập quán, không mời Ủy ban hay cơ quan chức năng phân chia, cũng không lập văn bản giấy tờ gì. Ông chia như vậy là do ông là anh của ông Y D và ông Y D chết. Bà H N không nuôi bố mà bà H R là cháu nuôi nên ông chia như vậy.

Việc bà H N kiện bà H R về chia thừa kế, theo phong tục thì bà H R là người được chia đất. Do vậy, bà H N khởi kiện là không đúng, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Y B Mlô trình bày:

Ông có tham gia phân chia tài sản cho bà H N Niê và bà H R Mlô. Các ông chỉ phân chia theo phong tục tập quán chứ không có giấy tờ gì. Đến nay có tranh chấp, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Sổ hộ khẩu số B42 ngày 18 tháng 12 năm 2007 của Công an thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lăk thể hiện:

Chủ hộ: Ông Y D Niê. Quan hệ với chủ hộ gồm: Vợ là bà H W Niê; con là bà H N Niê; con rể là ông Y S Mlô; cháu là Y D - sinh năm 1997, Y D Niê - sinh năm 2000 và Y K Niê - sinh năm 2004.

Tại Giấy khai sinh ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nội dung khai sinh:

Bà H N Niê, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, có mẹ tên là H W Niê, sinh năm 1936, cha Y D Mlô, sinh năm 1934.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nội dung:

Tên người sử dụng đất là ông Y D Mlô; Thửa đất số 130; tờ bản đồ số 18; diện tích sử dụng 4.360m^2; mục đích sử dụng: Khu dân cư; thời hạn lâu dài; địa chỉ thửa đất tại xã K (nay là thị trấn K), huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Giấy chứng tử ngày 29 tháng 7 năm 2015, của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nội dung khai tử:

Bà H W Niê, sinh năm 1936 chết lúc 09 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 11 năm 2009. Nguyên nhân chết là do già yếu.

Tại Giấy chứng tử ngày 22 tháng 7 năm 2015, của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nội dung khai tử:

Ông Y D Mlô, sinh năm 1934 chết lúc 04 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 6 năm 2015. Nguyên nhân chết là do già yếu.

Tại Biên bản hòa giải về việc nhận lại di sản thừa kế ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nội dung:

Bà H R Mlô vắng mặt. Tại buổi làm việc ghi nhận ý kiến của bà H N Niê đề nghị cơ quan chức năng giải quyết việc bà H R Mlô chiếm dụng đất và bìa đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại Bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

Tổng diện tích hiện nay bà H N Niê và bà H R Mlô sử dụng: 4.060m^2. Trong đó bà H N sử dụng: 1.015m^2. Bà H R sử dụng: 3.045m^2.

Tại Biên bản định giá tài sản, Hội đồng định giá xác định:

+ 01m^2 đất; mục đích sử dụng: Đất ở khu dân cư lâu dài; địa chỉ: tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có giá quy định của Nhà nước là 400.000 đồng/m^2. Có giá thị trường là: 1.333.333 đồng/m^2. Tổng giá trị quyền sử dụng đất có tranh chấp: 5.413.333.998 đồng (trong đó: bà H N Niê sử dụng diện tích đất có giá trị: 1.353.333.999 đồng, bà H R sử dụng diện tích đất có giá trị: 4.059.999.999 đồng).

+ Tài sản trên đất của bà H N Niê có giá là: 93.805.000 đồng; Tài sản trên đất của bà H R Mlô có giá là: 148.765.200 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 10 năm 2022, Công an thị trấn K, huyện K cung cấp thông tin:

Hiện nay, bố mẹ đẻ của ông Y D và bà H W đều đã chết. Ông Y D và bà H W có bố mẹ nuôi hay không và hiện còn sống hay chết thì Công an không nắm được. Ông Y D và bà H W có bao nhiêu con đẻ, bao nhiêu người con riêng và bao nhiêu người con nuôi, thì Công an không biết. Công an chỉ biết ông Y D và bà H W có người con là H N . Còn bà H R có quan hệ như thế nào với ông Y D và bà H W thì Công an không nắm được vì không thể hiện trong hộ khẩu.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 10 năm 2022, Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K cung cấp nội dung:

Ông Y D và bà H W có bố mẹ nuôi hay không, có bao nhiêu con, con đẻ, con nuôi và hiện còn sống hay chết thì Ủy ban không nắm được. Chỉ biết bà H N khai sinh là con của ông Y D và bà H W. Bà H R có quan hệ như thế nào với ông Y D và bà H W, thì Ủy ban cũng không nắm được. Bà H N sống chung với ông Y D, bà H W từ khi nào đến khi nào và trong quá trình chung sống ông Y S Mlô, bà H N có đánh đập ông Y D hay không, thì Ủy ban đều không nắm được. Ủy ban cũng không chứng kiến hoặc tham gia làm thủ tục phân chia tài sản của gia đình ông Y D và bà H W.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn, đại diện ủy của bị đơn đều đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn số tiền 15.000.000 đồng mà bị đơn bỏ ra chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hỗ trợ cho bị đơn 50.000.000 đồng tiền chi phí mai táng cho ông Y D. Đồng ý thanh toán lại cho bị đơn toàn bộ giá trị tài sản trên đất của bị đơn theo Biên bản định giá tài sản. Nhưng bị đơn và đại diện bị đơn chỉ đồng ý nhận số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại bị đơn từ chối nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST, ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

- Áp dụng khoản 2 và khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157;165; 200; 227; 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 633, 634, 635, 674, 675; điểm a khoản 1 Điều 676; các Điều 678, 685 và Điều 733 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 149, 169, 609, 611, 612, 613, 616, 623, 649, 650, 651, 653 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 13 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N Niê về việc yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế.

Công nhận bà H N Niê được sử dụng thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12445QSDĐ/D-H-01 ngày 11 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk là 4.360m^2, nhưng theo đo đạc là 4.060m^2, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận: Đông giáp đất bà H Th Niê, rộng 66m; Tây giáp đường đi, rộng 50m; Nam giáp đường đi, dài 72m; Bắc giáp đất ông Y Ch Mlô, dài 70m.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N Niê về việc yêu cầu bà H R Mlô trả lại diện tích đất 3.045m^2; trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 952771, được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12445 QSDĐ/D-H-01 ngày 11 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Y D Niê.

Buộc bà H R Mlô trả cho bà H N Niê diện tích đất 3.045m2, thuộc một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận: Đông giáp đất bà H Th Niê, rộng 51m; Tây giáp đường đi, rộng 36m; Nam giáp đường đi, dài 72m; Bắc giáp phần diện tích đất bà H N Niê đang sử dụng, dài 70m. Tài sản trên đất gồm có: 182 cây cà phê; 23 cây bơ; 43 cây sầu riêng; 06 cây chôm chôm; 01 cây khế; 02 cây keo; 01 cây xoan; 38 trụ tiêu; 193m dây kẽm gai.

Buộc bà H R Mlô trả cho bà H N Niê Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 952771, được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12445 QSDĐ/ D-H-01 ngày 11 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Y D Niê.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2022, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tuấn đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 20/12/20222, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DSST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ; quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng làm trong hạn luật định. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.360m^2 (diện tích thực tế: 4.060m^2), tại xã K (nay là thị trấn K), huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 952771 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Y D Mlô vào ngày 11/01/1993, là khối tài sản chung của ông Y D Mlô, bà H W Niê tạo lập được khi còn sống. Khi chết ông Y D, bà H W không để lại di chúc.

[2.2] Về người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: Tất cả các đương sự trong vụ án và tài liệu chứng cứ liên quan đều xác định: Ông Y D, bà H W là vợ chồng, quá trình chung sống ông Y D, bà H W không có con đẻ, có một người con nuôi là bà H N Niê. Cha đẻ, mẹ đẻ của ông Y D, bà H W đều đã chết, ông Y D, bà H W không có cha nuôi, mẹ nuôi. Vậy, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Y D, bà H W chỉ có bà H N Niê.

[2.3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc bà H R Mlô trả cho bà H N Niê diện tích đất 3.045m^2 (thuộc một phần của thửa đất số 130) cùng tài sản trên đất mà không xem xét đến công sức đóng góp, quản lý để khối tài sản tồn tại và giá trị tăng lên trong nhiều năm của bà H R là không đảm bảo quyền lợi cho bà H R, HĐXX xét thấy:

Tuy bà H R Mlô không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Y D, bà H W nhưng có công sức quản lý, đã đầu tư tiền trong việc tôn tạo, tạo lập các tài sản trên đất làm tăng giá trị phần diện tích đất 3.045m^2 (thuộc một phần thửa đất số 130). Trong quá trình giải quyết vụ án bà H R không yêu cầu xem xét công sức vì bà H R cho rằng bà H N là con nuôi, đã được dòng tộc chia đất, phần diện tích đất 3.045m^2, bà đã nhận quản lý, sử dụng từ lâu và bà H N biết việc này, không có ý kiến hay tranh chấp gì nên bà không đồng ý trả đất và tài sản trên đất cho bà H N mà yêu cầu bà H N phải cùng bà H R xác lập làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, yêu cầu của bà H R đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Tòa án cần xem xét công sức cho bà H R để giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự là cần thiết.

Bà H N Niê là thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Y D Mlô, bà H W Niê nên được hưởng di sản thừa kế của ông Y D và bà H W là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.360m^2 (diện tích thực tế: 4.060m^2), tại xã K (nay là thị trấn K), huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 952771 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Y D Mlô vào ngày 11/01/1993. Bà H N có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất của thửa đất trên theo quy định của pháp

luật hiện hành, bà H N phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của luật đất đai.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.4] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, HĐXX thấy: Bà H R Mlô là người họ hàng xa của ông Y D, sau khi bà H W chết một thời gian sau ông Y D về sống với bà H R đến khi chết. Năm 2015, ông Y D chết, bà H R được người trong dòng tộc chia cho một phần thửa đất có diện tích 3.260m^2 (thực tế 3.045m^2) thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tại buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Việc chia đất trên là theo phong tục tập quán, phân chia bằng miệng, không lập thành văn bản, không có Ủy ban chứng kiến. Vì vậy, việc phân chia di sản thừa kế trên là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, để xem xét công sức đóng góp trong việc tạo dựng tài sản và nuôi dưỡng ông Y D của bà H R, Tòa án cần xác minh tại buôn trưởng, già làng và những người sống gần nhà bà H N trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011, khi ông Y D sống cùng gia đình bà H N thì có sự việc vợ chồng bà H N gây gổ, đánh đập làm ông Y D gãy tay hay không?. Làm rõ việc khi dòng tộc chia diện tích đất 3.260m^2 cho bà H R thì bà H N có biết sự việc không? Bà H N có đồng ý với việc phân chia này không?. Tại sao đến năm 2017 bà H N mới làm thủ tục đăng ký khai sinh và căn cứ nào để cấp giấy khai sinh cho bà H N ?. Xác minh tại cơ quan Công an căn cứ xác định bà H N Niê là con ông Y D Mlô và bà H W Niê khi cấp sổ hộ khẩu cho hộ ông Y D vào năm 2007.

Bị đơn bà H R cho rằng trong thời gian ông Y D sống cùng gia đình bà thì ông Y D bị bệnh nên bà H R phải vay tiền chữa trị cho ông Y D, Tòa án cần yêu cầu bà H R cung cấp các tài liệu, chứng cứ như hồ sơ bệnh án, kết luận, đơn thuốc và các tài liệu có liên quan khác trong thời gian điều trị bệnh cho ông Y D để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Mặt khác, vào ngày 09/5/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã giao nộp 01 văn bản bằng tiếng ê đê (bản phô tô) kèm theo đơn cung cấp bản dịch sang tiếng phổ thông có nội dung phân chia tài sản trừ nợ. Ông Tuấn cho rằng bà H N không phải là con nuôi mà chỉ là "anh em" của ông Y D và căn cứ vào văn bản phân chia tài sản trừ nợ thì bà H N không liên quan đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tại buôn U, thị trấn K, huyện K, HĐXX xét thấy: Cần triệu tập để tiến hành lấy lời khai những người có tên trong văn bản ngày 08/5/2023 để làm rõ sự việc được nêu tại văn bản; Tại buổi làm việc ngày 21/6/2015 bà H N và bà H R có tham gia không, có ý kiến gì không? Tòa án cần yêu cầu bà H R và ông T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khi cho rằng bà H N không phải là con nuôi mà chỉ là "anh em" của ông Y D.

Từ những phân tích tại mục [2.1]; [2.2]; [2.3]; [2.4] HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, xem xét về công sức đóng góp mà bà H R Mlô được nhận. Tuy nhiên, việc

chứng minh và thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ và tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung, khắc phục được.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H R Mlô không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng;

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh T – Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà H R Mlô 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022072 ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung